

Số: 226 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long

Thực hiện Quyết định số 371/QĐ-TTr ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long, ngày 12 tháng 9 năm 2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602398753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18/11/2019.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: gia công chế tác sản phẩm đá nhân tạo.
- Điện thoại: 02513682727; Fax: 02513682712.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: đường số 8, khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Các tài khoản của doanh nghiệp:
 - + Tài khoản số 1013467549 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Phòng giao dịch Hiệp Phước, Chi nhánh Nhơn Trạch.
 - + Tài khoản số 10451000408243 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công, thành phố Hà Nội.
- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.

h

- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 64 người, trong đó có 10 lao động nữ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, báo cáo năm 2022 thực hiện chưa đúng thời hạn theo quy định (báo cáo lập ngày 25/12/2022).

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tuyển mới 29 người.

- Hình thức và phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng hình thức dán thông báo tuyển dụng tại trụ sở doanh nghiệp, đăng thông tin tuyển dụng trên các trang tin tuyển dụng. Thực hiện phỏng vấn trực tiếp người lao động ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử có đủ các thông tin về người lao động.

- Doanh nghiệp không ký kết hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng học nghề, tập nghề với người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 64 người. Doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động đối với 64 người, cụ thể:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 41 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 23 người.

- Số người chưa được ký hợp đồng lao động: 0 người.

- Doanh nghiệp không sử dụng người lao động thuê lại.

- Tại doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Doanh nghiệp có 35 người lao động thôi việc (không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc).

h

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo quy định.

- Đã xây dựng và ký thỏa ước lao động tập thể ngày 10/4/2021. Thỏa ước lao động tập thể có một số nội dung có lợi hơn so với quy định của pháp luật lao động: thưởng tháng lương thứ 13; thưởng sáng kiến, thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể khi có thành tích; các chế độ phúc lợi; quy định tăng thêm ngày nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương.

- Trình tự, thủ tục xây dựng thỏa ước lao động tập thể chưa bảo đảm theo quy định: chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại; chưa lập biên bản phiên họp thương lượng tập thể; chưa tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của người lao động về những nội dung thương lượng tập thể đã đạt được trước khi ký kết thỏa ước lao động.

- Doanh nghiệp đã thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể.

- Đã gửi thỏa ước lao động tập thể đến Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quyết định số 099/2021/QĐ/TL ngày 31/12/2021 của Giám đốc doanh nghiệp.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Doanh nghiệp áp dụng mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định (áp dụng mức lương tối thiểu vùng 1 là 4.680.000 đồng/người/tháng).

- Thu nhập thấp nhất: 7.817.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 85.182.000 đồng/người/tháng; thu nhập bình quân: 16.229.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp áp dụng trả lương qua tài khoản ngân hàng và trả phí mở, duy trì tài khoản.

- Áp dụng hình thức trả lương theo thời gian (tính theo ngày công thực tế) đối với lao động làm hành chính và trả lương theo sản phẩm đối với lao động trực tiếp làm việc tại xưởng sản xuất.

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ theo quy định; không phát sinh tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm.

- Đã trả tiền lương những ngày chưa nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc theo quy định.

- Doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

h

- Không khấu trừ lương của người lao động; không thực hiện xử lý kỷ luật người lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương.

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 28.000 đồng/người/ca làm việc.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày (chưa tính thâm niên).

- Đã quy định thời gian nghỉ ngắn giữa ca làm việc là 02 lần/ca, mỗi lần nghỉ là 10 phút.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: ông Lưu Công An - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và ông Vũ Mạnh Tuấn - Giám đốc là người được ủy quyền theo giấy ủy quyền số 04/2022/UQ-TL ngày 20/3/2022 của ông Lưu Công An - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

- Nội quy lao động có một số nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật lao động, cụ thể:

+ Điểm e khoản 1 Điều 5 quy định: “sau mỗi đợt làm thêm tối đa 07 ngày liên tục trong tháng, doanh nghiệp bố trí để người lao động nghỉ bù cho số thời gian đã không được nghỉ. Trường hợp không bố trí nghỉ bù đủ số thời gian thì phải trả lương làm thêm giờ theo quy định”.

+ Không quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

+ Điều 19 quy định: người lao động được giao quản lý, sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, dụng cụ nếu để mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường theo giá trị thực tế của từng loại máy, thiết bị, vật tư, dụng cụ đó.

+ Khoản 3 Điều 32 quy định: người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, nhưng nội quy lao

h

động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Doanh nghiệp đang sử dụng 10 người lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ ngày làm việc và được hưởng nguyên lương.

+ Doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt theo quy định.

+ Đã hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động với mức 50.000 đồng/tháng/trẻ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã thống kê 10 người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không có người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã thống kê 41 người lao động (03 cán bộ kỹ thuật; 02 người làm công việc hàn; 08 người vận hành cầu trục; 03 công nhân vận hành xe nâng và 02 công nhân lái xe tải; 22 lao động làm công việc mài, cắt; 01 người lao động vận hành bình chịu áp lực) làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ nội dung theo quy định.

h

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 08 người theo Quyết định số 057/2022/QĐ/TL-VP ngày 01/10/2022 của Giám đốc doanh nghiệp; đã ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 073/2020/QĐ/TL-VP ngày 21/12/2020 của Giám đốc doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên chưa quy định mức phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định.

- Đã thành lập ban an toàn, vệ sinh lao động gồm 5 người theo Quyết định số 043B/QĐ/TL-VP ngày 01/10/2022 của Giám đốc doanh nghiệp; đã bố trí 01 người (ông Lê Trọng Hà) làm chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo Quyết định số 043A/QĐ/TL-VP ngày 01/10/2022 của Giám đốc doanh nghiệp.

- Tổng số máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 06 máy, thiết bị (02 bình chịu áp lực; 02 cầu trục 1 dầm, 02 xe nâng hàng) đã kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định.

- Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã thực hiện huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

- Doanh nghiệp cấp thẻ an toàn lao động cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chưa bảo đảm thông tin theo quy định: mục chức danh ghi “công nhân” không ghi theo công việc của người lao động; mục đã hoàn thành khóa huấn luyện ghi “nhóm 3 an toàn lao động, vệ sinh lao động”; chưa đóng dấu giáp lai lên ảnh trên thẻ an toàn lao động.

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định.

- Việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động (năm 2022, đã đo tổng số 86 mẫu, 86 mẫu đạt tiêu chuẩn).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên, túi sơ cấp cứu còn thiếu nẹp cổ, nẹp cẳng tay, nẹp đùi, phanh không máu thẳng, mặt nạ phòng độc, phác đồ sơ cứu.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám ít nhất 6 tháng/lần.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người lao động. Tuy nhiên, số khám sức khỏe định kỳ chưa ghi đầy đủ thông tin theo quy định: thiếu thông tin về nghề, công việc trước đây, tiền sử bệnh tật của bản thân và gia đình, chữ ký của người lao động khám sức khỏe và người lập sổ khám sức khỏe.

h

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 64 người, cụ thể:

+ Số người đã tham gia: 61 người;

+ Số người chưa tham gia: 03 người (Đỗ Thanh Hoài ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng từ ngày 25/8/2023; Đặng Quang Minh ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng từ ngày 01/9/2023; Dương Văn Còn ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng từ ngày 07/9/2023), doanh nghiệp đang làm thủ tục tham gia các chế độ bảo hiểm theo quy định.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 08/2023: 107.318.656 đồng.

- Doanh nghiệp trích đóng đầy đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã đăng thông tin tuyển dụng và thực hiện phỏng vấn trực tiếp người lao động ứng tuyển; không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.4. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử có đủ các thông tin về người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

1.8. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

h

1.10. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ theo quy định.

1.11. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.12. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 28.000 đồng/người/ca làm việc.

1.13. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.14. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.15. Doanh nghiệp sử dụng 10 người lao động nữ. Doanh nghiệp đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.16. Doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.17. Đã thống kê đầy đủ người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

1.18. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.19. Đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.20. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.21. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.22. Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.23. Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

1.24. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.25. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.26. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.27. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.28. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.29. Đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Lập báo cáo định kỳ năm 2022 về tình hình thay đổi lao động gửi cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương ngày 25 tháng 12 năm 2022 là không đúng quy định về thời gian báo cáo hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Trình tự, thủ tục xây dựng thỏa ước lao động tập thể chưa bảo đảm quy định:

- Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Chưa lập biên bản phiên họp thương lượng tập thể theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Chưa tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của người lao động về những nội dung thương lượng tập thể đã đạt được trước khi ký kết thỏa ước lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Bộ luật Lao động.

2.3. Nội quy lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật lao động, cụ thể:

- Điểm e khoản 1 Điều 5 quy định: “sau mỗi đợt làm thêm tối đa 07 ngày liên tục trong tháng, doanh nghiệp bố trí để người lao động nghỉ bù cho số thời gian đã không được nghỉ. Trường hợp không bố trí nghỉ bù đủ số thời gian thì phải trả lương làm thêm giờ theo quy định” là không đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động; Điều 55 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động.

- Không quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động; điểm i khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động.

- Điều 19 quy định: người lao động được giao quản lý, sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, dụng cụ nếu để mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường theo giá

h

trị thực tế của từng loại máy, thiết bị, vật tư, dụng cụ đó là chưa phù hợp với quy định tại Điều 129 Bộ luật Lao động; điểm h khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động.

- Chưa quy định cụ thể danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động; điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động.

2.4. Chưa quy định mức phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.5. Cấp thẻ an toàn lao động cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chưa bảo đảm thông tin (mục chức danh ghi “công nhân”, không ghi theo công việc của người lao động; mục đã hoàn thành khóa huấn luyện ghi “nhóm 3 an toàn lao động, vệ sinh lao động”; chưa đóng dấu giáp lai lên ảnh trên thẻ an toàn lao động) theo mẫu 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.6. Túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (thiếu nẹp cổ, nẹp cẳng tay, nẹp đùi, phanh không máu thẳng, mặt nạ phòng độc, phác đồ sơ cứu) quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

2.7. Sổ khám sức khỏe định kỳ của người lao động chưa điền đầy đủ thông tin (thiếu thông tin về nghề, công việc trước đây, tiền sử bệnh tật của bản thân và gia đình, chữ ký của người lao động khám sức khỏe và người lập sổ khám sức khỏe) theo mẫu quy định tại phụ lục số 3a ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ


- Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khắc phục vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- + Khắc phục ngay vi phạm nêu tại điểm 2.7.
- + Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.1 và điểm 2.2 khi phát sinh.

h

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, khắc phục vi phạm còn lại và báo cáo (bằng văn bản) kết quả khắc phục các kiến nghị nêu trên, gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục sai phạm về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).


- Thực hiện nghiêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra./.

Nơi nhận: 

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- CTCP TĐ Phương Hoàng Xanh A&A (để biết);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA




Nguyễn Anh Tuấn

